

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ LÀO CAI
TỈNH LÀO CAI**

Bản án số: 53/2018/HNGĐ-ST

Ngày 17 - 9 - 2018

*Về việc “Không công nhận là vợ chồng,
tranh chấp việc nuôi con chung”*

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ LÀO CAI, TỈNH LÀO CAI

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Phạm Đức Thịnh

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Thành Thái.
2. Ông Lục Văn Văn.

- Thư ký phiên tòa: Bà Trần Bích Thủy - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Lào Cai.

Ngày 17/9/2018 tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Lào Cai xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 219/2018/TLST-HNGĐ ngày 23/8/2018 về việc “Không công nhận là vợ chồng, tranh chấp về nuôi con chung” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 35A/2018/QĐST-DS ngày 12/9/2018 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị Trần Thị B.

Địa chỉ: Thôn 1, xã Đ, huyện Đ, tỉnh Hà Tĩnh, vắng mặt và có đơn xin xét xử vắng mặt.

2. Bị đơn: Anh Nguyễn Hồng M.

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Tổ 35, phường P, thành phố L, tỉnh Lào Cai, vắng mặt và có đơn xin xét xử vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo đơn khởi kiện đề ngày 15/8/2018 và trong quá trình tố tụng, nguyên đơn là chị Trần Thị B trình bày:

Chị B và anh Nguyễn Hồng M chung sống với nhau như vợ chồng từ năm 2002 đến nay không có đăng ký kết hôn theo luật định.

Trong quá trình chung sống được khoảng 8 năm thì phát sinh mâu thuẫn do tính tình không hợp, cả hai đều không có thu nhập ổn định, điều kiện kinh tế gia đình gặp nhiều khó khăn nên hai người bàn nhau để chị B đi xuất khẩu lao động tại Thái Lan. Do điều kiện xa cách nên dần dần tình cảm phai nhạt vì vậy chị B

không còn muốn gắn bó với anh M nữa. Đến nay chị B về nước và nhận thấy cuộc sống chung không thể hòa hợp nên đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh M.

Về con chung: Chị B xác nhận chị và anh M có 01 con chung là Nguyễn Thị Thúy N sinh ngày 28/9/2003, hiện tại cháu đang ở với anh M, chị đồng ý để anh M nuôi dưỡng.

Về tài sản: Chị và anh M tự thỏa thuận, nên không đề nghị Tòa án giải quyết.

Trong quá trình tố tụng, bị đơn là anh Nguyễn Hồng M trình bày:

Anh xác nhận những nội dung chị B trình bày trên đây là đúng sự thực. Hiện tại chị B đã bỏ về nhà mẹ đẻ tại xã Đ, huyện Đ, tỉnh Hà Tĩnh. Anh M đồng ý theo nguyện vọng của chị B. Về con chung, anh M có ý kiến đề nghị được tiếp tục chăm sóc nuôi dưỡng cháu Nguyễn Thị Thúy N, không yêu cầu chị B cấp dưỡng. Về tài sản anh M không yêu cầu Tòa án giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu tài liệu có trong hồ sơ vụ án, qua việc thẩm tra tại phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về thủ tục tố tụng:

Tại phiên tòa, nguyên đơn và bị đơn đều vắng mặt và có đơn xin xét xử vắng mặt. Căn cứ vào khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án vẫn tiến hành xét xử vụ án theo quy định của pháp luật.

[2]. Về nội dung:

Các đương sự đều xác nhận:

Chị Trần Thị B và anh Nguyễn Hồng M bắt đầu sống chung với nhau như vợ chồng từ năm 2002 đến nay mà không có đăng ký kết hôn. Theo quy định tại khoản 1 Điều 11 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2000, họ không được pháp luật công nhận là vợ chồng. Nay chị Trần Thị B xin ly hôn, Hội đồng xét xử thấy rằng cần áp dụng điểm c khoản 3 Nghị quyết số 35/2000/QH10 ngày 09/6/2000 của Quốc Hội và khoản 1 Điều 11 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2000 để tuyên bố chị Trần Thị B và anh Nguyễn Hồng M không phải là vợ chồng.

[2.1]. Về con chung: Chị Trần Thị B và anh Nguyễn Hồng M có một con chung là cháu Nguyễn Thị Thúy N sinh ngày 28/8/2003, hiện tại cháu đang ở với anh M. Trong quá trình tố tụng, cháu N có nguyện vọng muốn được ở với anh M. Hội đồng xét xử thấy rằng chị B hiện tại đã bỏ về nhà mẹ đẻ tại xã Đ, huyện Đ, tỉnh Hà Tĩnh. Để đảm bảo việc ăn ở, học tập của cháu N được ổn định và thuận tiện, qua xem xét nguyện vọng của cháu là chính đáng. Hội đồng xét xử thấy rằng cần áp dụng các điều 17, 92, 94 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2000 để giao cháu Nguyễn Thị Thúy N cho anh Nguyễn Hồng M chăm sóc, nuôi dưỡng. Tạm thời chị B chưa phải cấp dưỡng nuôi con.

[2.2]. Về tài sản: Các bên đương sự đều không yêu cầu giải quyết, do vậy Hội đồng xét xử không xem xét.

[3]. Về án phí: Chị Trần Thị B phải chịu 300.000 đồng án phí ly hôn.

Vì các lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ khoản 1 Điều 11, khoản 2 Điều 17, Điều 92, 94 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2000; Điểm c khoản 3 Nghị quyết số 35/2000/QH10 ngày 09/6/2000 của Quốc Hội; Khoản 4 Điều 147; Khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326 ngày 30/12/2016 của UBTVQH quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của chị Trần Thị B, xử:

1. Không công nhận chị Trần Thị B và anh Nguyễn Hồng M là vợ chồng.
2. Về con chung: Giao cháu Nguyễn Thị Thúy N sinh ngày 28/9/2003 cho anh Nguyễn Hồng M trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cho đến khi cháu Ngân đủ 18 tuổi. Tạm thời chị Trần Thị B chưa phải cấp dưỡng nuôi con. Người không trực tiếp nuôi con có quyền đi lại thăm nom, chăm sóc con chung, không ai được quyền cản trở.

3. Về án phí: Chị Trần Thị B phải chịu 300.000 đồng án phí ly hôn, xác nhận chị Trần Thị B đã nộp tiền tạm ứng án phí là 300.000 đồng tại biên lai số 0005421 ngày 23/8/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Lào Cai.

Án xử công khai sơ thẩm. Nguyên đơn, bị đơn có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản sao bản án hoặc tổng đạt hợp lệ.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh;
- VKSND tỉnh;
- VKSNDTP;
- Các đương sự;
- THADS;
- Lưu.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Phạm Đức Thịnh

